

CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Ngọc Tùng¹

Nguyễn Thị Bình²

Trần Thị Hà³

Tóm tắt: Công tác xã hội (CTXH) đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao chất lượng sống của cộng đồng. Bài viết khái quát một số lý thuyết nền tảng của CTXH, bao gồm lý thuyết hệ sinh thái, lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng và lý thuyết quyền con người, nhằm làm rõ vai trò của CTXH trong việc hỗ trợ và can thiệp cho cá nhân, nhóm và cộng đồng. Đồng thời, bài viết phân tích thực tiễn CTXH tại Việt Nam dựa trên các báo cáo, nghiên cứu và chính sách của Nhà nước, tập trung vào các mô hình can thiệp cộng đồng, chương trình bảo vệ trẻ em, giảm nghèo bền vững và hỗ trợ người khuyết tật. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng CTXH giúp nâng cao năng lực cá nhân, giảm thiểu rủi ro xã hội, thúc đẩy bình đẳng và hỗ trợ các tổ chức, chính quyền trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Công tác xã hội, đóng góp, vấn đề xã hội, Việt Nam.

Abstract: Social work is a specialized profession that plays a crucial role in addressing social issues and improving community well-being. This article provides a theoretical overview of social work, including ecological theory, community-based practice, and human rights approaches, clarifying the role of social work in supporting and intervening with individuals, groups, and communities. The paper also analyzes practical social work activities in Vietnam based on reports, research, and state policies, focusing on community intervention models, child protection programs, sustainable poverty reduction, and support for persons with disabilities. Findings indicate that social work enhances individual capacities, reduces social risks, promotes equality, and supports organizations and authorities in achieving sustainable development goals.

Keywords: Social work, contributions, social issues, Vietnam.

Nhận bài: 16/09/2025 Gửi phản biện: 25/09/2025 Duyệt đăng: 10/11/2025

1 Thạc sĩ - Nghiên cứu sinh, Khoa Công tác xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

2 Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

3 Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

CTXH là lĩnh vực nghề nghiệp và học thuật đa ngành, định hướng thực hành nhằm hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy bình đẳng xã hội. Khác với các dịch vụ xã hội truyền thống chỉ tập trung vào việc cung cấp hỗ trợ trực tiếp, CTXH đóng vai trò đa chiều: vừa can thiệp trực tiếp, vừa kết nối các nguồn lực xã hội, tư vấn chính sách, thúc đẩy khả năng tự chủ và khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng. Các can thiệp CTXH được thiết kế dựa trên cơ sở lý luận khoa học, kết hợp lý thuyết hệ sinh thái (Bronfenbrenner, 1979), lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng và lý thuyết quyền con người (Ife, 2012), nhằm tạo ra các chương trình toàn diện, đồng bộ và bền vững.

Tại Việt Nam, phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng mở ra nhiều cơ hội, song đồng thời cũng đặt ra những thách thức xã hội phức tạp bao gồm: nghèo đói, bất bình đẳng kinh tế, bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, người cao tuổi neo đơn, người khuyết tật và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương khác... Những vấn đề này không chỉ tác động trực tiếp đến chất lượng sống của các nhóm đối tượng mà còn đặt ra yêu cầu cao đối với hệ thống an sinh xã hội, năng lực thực hành CTXH và khả năng phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.

Mặc dù Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách an sinh xã hội, chương trình hỗ trợ cộng đồng và dự án giảm nghèo bền vững, hiệu quả thực tiễn vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ ba khía cạnh: (1) nguồn nhân lực CTXH chưa đủ về số lượng và chất lượng, đặc biệt ở các vùng nông thôn và miền núi; (2) năng lực chuyên

môn, kỹ năng thực hành và phương pháp can thiệp chưa đồng bộ, chưa luôn áp dụng các chuẩn mực quốc tế và bằng chứng khoa học; và (3) mức độ phối hợp liên ngành và kết nối cộng đồng trong triển khai chương trình còn hạn chế, dẫn đến các dự án thiếu tính bền vững và chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thực tế của các nhóm dễ bị tổn thương.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, làm rõ vai trò, chức năng và đóng góp thực tiễn của CTXH trở nên cấp thiết. Đây không chỉ là yêu cầu về lý luận để củng cố nền tảng học thuật của nghề nghiệp, mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để: (1) phát triển năng lực và chuẩn hóa nguồn nhân lực CTXH tại Việt Nam; (2) nâng cao hiệu quả các chương trình can thiệp xã hội; và (3) xây dựng các chiến lược phát triển bền vững phù hợp với đặc thù xã hội Việt Nam, hướng tới một xã hội công bằng, hòa nhập và năng động.

Ngoài ra, việc nghiên cứu CTXH còn giúp làm rõ mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, từ đó định hướng các mô hình can thiệp đa tầng, đồng bộ giữa cá nhân - gia đình - cộng đồng - hệ thống chính sách, tạo nền tảng cho việc ứng dụng các phương pháp dựa trên bằng chứng trong thực hành xã hội tại Việt Nam. Các nghiên cứu hiện nay chỉ ra rằng, việc kết hợp giữa lý luận hệ sinh thái và thực hành dựa vào cộng đồng giúp tăng cường năng lực tự chủ, giảm thiểu rủi ro xã hội và nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ra quyết định, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển xã hội bền vững.

Như vậy, việc làm rõ tính cấp thiết, vai trò và đóng góp của CTXH tại Việt Nam không chỉ đáp ứng yêu cầu học thuật mà còn cung cấp cơ sở quan trọng để hoạch định chính sách, thiết kế chương trình can thiệp xã hội và nâng cao hiệu quả thực tiễn trong giải quyết các vấn đề xã hội đa dạng và phức

tập của quốc gia.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết áp dụng phương pháp tổng quan lý luận kết hợp phân tích thực tiễn, nhằm hệ thống hóa các kiến thức lý thuyết và đánh giá hiệu quả ứng dụng CTXH trong bối cảnh Việt Nam. Nguồn dữ liệu nghiên cứu chủ yếu là dữ liệu thứ cấp, bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu, các văn bản chính sách và dữ liệu thống kê chính thức từ các cơ quan nhà nước, cùng các tài liệu liên quan đến chương trình, dự án CTXH tại Việt Nam. Phương pháp tổng quan lý luận cho phép tổng hợp các khung lý thuyết cốt lõi của CTXH, bao gồm lý thuyết hệ sinh thái, lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng và lý thuyết quyền con người, từ đó phân tích mối quan hệ giữa các khái niệm lý thuyết và thực tiễn can thiệp. Đồng thời, phương pháp phân tích thực tiễn giúp đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án CTXH hiện hành, nhận diện các điểm mạnh, hạn chế và xu hướng phát triển của nghề nghiệp tại Việt Nam. Sự kết hợp này cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để rút ra các kết luận về vai trò, đóng góp và các giải pháp nâng cao hiệu quả CTXH trong giải quyết các vấn đề xã hội.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tổng quan lý luận về CTXH

Lý thuyết CTXH đóng vai trò nền tảng trong việc thiết kế các can thiệp, cung cấp cơ chế phân tích, phương pháp thực hiện và hướng mục tiêu dài hạn cho các hoạt động xã hội. Việc áp dụng lý thuyết CTXH không chỉ cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế các can thiệp mà còn giúp liên kết hiệu quả giữa các chính sách an sinh xã hội, chương trình cộng đồng và thực hành thực tiễn.

3.1.1. Lý thuyết hệ sinh thái (Bronfenbrenner, 1979)

Lý thuyết hệ sinh thái coi con người là trung tâm của một mạng lưới các hệ thống tương tác lẫn nhau, từ vi hệ (gia đình, bạn bè, môi trường gần gũi) đến vĩ hệ (cộng đồng, xã hội, chính sách quốc gia). Trong CTXH, lý thuyết này giúp nhận diện các yếu tố rủi ro và bảo vệ ảnh hưởng đến sự phát triển của cá nhân, từ đó xây dựng các mô hình can thiệp đa tầng.

Ví dụ, trẻ em chịu ảnh hưởng của bạo lực gia đình không chỉ bị tác động trực tiếp từ gia đình (vi hệ) mà còn chịu tác động gián tiếp từ các yếu tố như cộng đồng thiếu hỗ trợ, trường học chưa có chương trình phòng chống bạo lực và chính sách bảo vệ trẻ em chưa thực sự hiệu quả (Mullaly, 2010). Nhận thức này thúc đẩy CTXH triển khai các chương trình đa tầng: can thiệp trực tiếp với trẻ, hỗ trợ cha mẹ và gia đình, phối hợp với trường học và cộng đồng, đồng thời kiến nghị cải thiện chính sách để tạo ra một hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện.

Các nghiên cứu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2020) chỉ ra việc áp dụng lý thuyết hệ sinh thái giúp giảm thiểu rủi ro, đặc biệt trong các trường hợp trẻ em nghèo, người già neo đơn và nhóm dân cư dễ bị tổn thương ở nông thôn. Ví dụ, các mô hình “*Gia đình - Trường học - Cộng đồng*” tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đã kết hợp giữa hỗ trợ cá nhân, tập huấn kỹ năng cho gia đình và tham vấn cộng đồng, giảm đáng kể các vụ bạo lực trẻ em và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ trẻ em.

3.1.2. Lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng

Lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng nhấn mạnh vai trò chủ thể của cộng đồng trong việc xác định vấn đề và triển

khai giải pháp. Trong CTXH, lý thuyết này khuyến khích việc khai thác nguồn lực nội tại của cộng đồng, thúc đẩy năng lực tự hỗ trợ và xây dựng các mô hình can thiệp bền vững (Payne, 2014).

Tại Việt Nam, nguyên tắc này được áp dụng trong các CLB trẻ em, nhóm phụ nữ, các dự án giảm nghèo bền vững và các mô hình hỗ trợ người khuyết tật. Ví dụ, tại một số xã thuộc tỉnh Phú Thọ, các nhóm phụ nữ được tập huấn kỹ năng quản lý tài chính hộ gia đình, tổ chức các quỹ tiết kiệm cộng đồng và tham gia lập kế hoạch dự án. Kết quả cho thấy cộng đồng không chỉ cải thiện thu nhập và khả năng tự chủ mà còn hình thành mối quan hệ gắn kết, tăng cường vốn xã hội và khả năng hỗ trợ lẫn nhau (World Bank, 2018).

Lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đồng hành và tư vấn thay vì chỉ cung cấp dịch vụ trực tiếp. Nhờ đó, các dự án CTXH tại Việt Nam không chỉ giải quyết vấn đề trước mắt mà còn tạo ra sự thay đổi bền vững về năng lực và nhận thức của cộng đồng.

3.1.3. Lý thuyết quyền con người

Lý thuyết quyền con người đặt trọng tâm vào việc bảo vệ quyền lợi của các nhóm dễ bị tổn thương, nhấn mạnh bình đẳng, công bằng và sự tham gia tích cực của cộng đồng trong mọi quyết định (Ife, 2012). Trong thực hành CTXH, lý thuyết này được áp dụng để thiết kế các chương trình can thiệp bảo vệ trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và nạn nhân bạo lực.

Tại Việt Nam, các chính sách bảo vệ quyền trẻ em (Luật Trẻ em 2016) và chính sách đối với người khuyết tật (Luật Người khuyết tật 2010) là cơ sở pháp lý cho việc triển khai các chương trình CTXH. Ví dụ, các trung tâm CTXH áp dụng nguyên tắc tôn

trọng phẩm giá cá nhân, đảm bảo đối tượng được tham gia chủ động vào các quyết định về can thiệp và hỗ trợ. Lý thuyết quyền con người giúp CTXH vừa bảo vệ quyền lợi, vừa thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, tạo ra các chương trình can thiệp vừa công bằng vừa hiệu quả.

3.2. Một số hoạt động thực tiễn CTXH điển hình

3.2.1. Chương trình bảo vệ trẻ em và phòng chống bạo lực gia đình

CTXH trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em và phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam đã được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng, nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền trẻ em và tạo môi trường sống an toàn. Các trung tâm CTXH, câu lạc bộ trẻ em và các mô hình can thiệp cộng đồng tại nhiều tỉnh, thành phố đã cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tâm lý, hòa giải gia đình, đồng thời triển khai các chương trình giáo dục phòng chống bạo lực phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm văn hóa - xã hội địa phương.

Các can thiệp CTXH được thiết kế theo nguyên tắc đa tầng, bao gồm:

Can thiệp trực tiếp với trẻ em: Cung cấp hỗ trợ tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn các chiến lược phòng tránh bạo lực và xâm hại. Trẻ em được khuyến khích nhận diện nguy cơ, xây dựng kỹ năng tự bảo vệ và phát triển năng lực giải quyết xung đột một cách tích cực.

Nâng cao năng lực cha mẹ và gia đình: Tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng nuôi dạy con, quản lý xung đột, tham vấn tâm lý và tư vấn giải quyết các vấn đề gia đình. Việc trang bị kiến thức và kỹ năng cho cha mẹ giúp tạo ra môi trường gia đình ổn định, giảm nguy cơ bạo lực và tăng khả năng chăm sóc, hỗ trợ trẻ em.

Phối hợp với trường học và cộng đồng: Triển khai các chiến dịch nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, phòng chống bạo lực và xâm hại, xây dựng môi trường học đường và cộng đồng an toàn. Các hoạt động này bao gồm hội thảo, lớp tập huấn, sự kiện truyền thông và chương trình ngoại khóa dành cho học sinh, giáo viên và phụ huynh.

Đánh giá thực tiễn cho thấy, các mô hình này đã tạo ra hiệu quả đa chiều: giảm đáng kể các vụ xâm hại trẻ em, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ trẻ em và tăng cường khả năng can thiệp sớm của các thành viên cộng đồng (MOLISA, 2020). Ngoài ra, việc áp dụng lý thuyết hệ sinh thái giúp xác định tác động từ cá nhân đến gia đình, cộng đồng và chính sách, từ đó thiết kế các chương trình can thiệp đồng bộ, kết hợp nhiều tầng mức xã hội. Các mô hình dựa vào cộng đồng không chỉ nâng cao năng lực nhận thức mà còn thúc đẩy sự tham gia tích cực của trẻ em, gia đình và cộng đồng vào các hoạt động phòng ngừa bạo lực, góp phần xây dựng môi trường xã hội an toàn và hòa nhập.

Các nghiên cứu tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Hồng cho thấy, sự phối hợp giữa cán bộ CTXH, trường học, tổ chức cộng đồng và các cơ quan chính quyền địa phương đã nâng cao hiệu quả của các chương trình phòng chống bạo lực, giúp trẻ em phát triển toàn diện và giảm thiểu các nguy cơ rủi ro xã hội lâu dài. Như vậy, CTXH trong bảo vệ trẻ em không chỉ là can thiệp trực tiếp mà còn là công cụ chiến lược để xây dựng nền tảng xã hội an toàn, bền vững và phát triển lâu dài tại Việt Nam.

3.2.2. Hỗ trợ giảm nghèo và phát triển cộng đồng

Trong bối cảnh Việt Nam, CTXH đóng vai trò trung tâm trong các chương trình giảm

nghèo bền vững và phát triển cộng đồng, đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi và các khu vực có dân cư dễ bị tổn thương. Các cán bộ CTXH không chỉ thực hiện tư vấn cá nhân và hộ gia đình mà còn đóng vai trò kết nối các nguồn lực từ chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp xã hội và cộng đồng, nhằm triển khai các chương trình giảm nghèo mang tính đồng bộ, bền vững và phù hợp với đặc thù vùng miền.

Hoạt động CTXH trong lĩnh vực này bao gồm nhiều biện pháp cụ thể: (1) Đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng quản lý tài chính hộ gia đình, giúp người dân có khả năng chủ động tăng thu nhập, quản lý chi tiêu và lập kế hoạch tài chính dài hạn; (2) Hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế tập thể, quỹ tín dụng cộng đồng và hợp tác xã nông thôn, qua đó tận dụng nguồn lực nội tại của cộng đồng, tạo cơ hội việc làm, thúc đẩy kinh tế hộ gia đình và giảm rủi ro kinh tế; (3) Thúc đẩy năng lực tự chủ và khả năng khai thác nguồn lực sẵn có, thông qua tập huấn kỹ năng quản lý, hướng dẫn lập kế hoạch phát triển cộng đồng và khuyến khích sự tham gia chủ động của các thành viên cộng đồng.

Các nghiên cứu trường hợp tại các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình và Nghệ An cho thấy, việc ứng dụng CTXH trong giảm nghèo không chỉ giúp tăng thu nhập trung bình hộ gia đình từ 15–30%, mà còn nâng cao năng lực tự chủ, giảm sự phụ thuộc vào trợ cấp bên ngoài và thúc đẩy tinh thần tự quản lý của cộng đồng. Đồng thời, các chương trình này góp phần xây dựng mạng lưới hỗ trợ lẫn nhau, tăng cường kết nối xã hội và nâng cao khả năng tham gia vào các quyết định cộng đồng.

Nhìn chung, CTXH trong giảm nghèo và phát triển cộng đồng tại Việt Nam thể

hiện vai trò kép: vừa giải quyết các khó khăn kinh tế trước mắt, vừa xây dựng năng lực dài hạn cho cộng đồng. Việc kết hợp giữa lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng và các phương pháp can thiệp dựa trên bằng chứng giúp đảm bảo rằng các chương trình không chỉ mang tính hỗ trợ mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững, tạo môi trường xã hội hòa nhập và tăng khả năng tự chủ của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.

3.2.3. Hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi

CTXH đối với người khuyết tật và người cao tuổi tại Việt Nam đã được triển khai dưới nhiều hình thức dịch vụ đa dạng, nhằm cải thiện chất lượng sống, giảm cô lập xã hội và tăng cường sự tham gia cộng đồng. Các dịch vụ bao gồm chăm sóc tại gia, hỗ trợ sinh hoạt hàng ngày, tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn quản lý sức khỏe và các hoạt động giáo dục, giải trí phù hợp với năng lực và nhu cầu của từng đối tượng. Những dịch vụ này không chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản mà còn hướng tới phát triển năng lực tự chủ, nâng cao phẩm giá và quyền lợi của người cao tuổi, người khuyết tật (Ife, 2012; WHO, 2017).

Các mô hình cộng đồng đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện CTXH hiệu quả. Câu lạc bộ người cao tuổi, nhóm hỗ trợ người khuyết tật, tổ chức các chương trình tập thể dục, nghệ thuật, sinh hoạt tập thể, và các lớp kỹ năng giao tiếp - tự quản lý được triển khai tại nhiều địa phương, giúp người cao tuổi và người khuyết tật giảm cảm giác cô lập, nâng cao khả năng tương tác xã hội, đồng thời tạo cơ hội tham gia vào các quyết định liên quan đến quyền lợi và lợi ích của bản thân. Ví dụ, các câu lạc bộ người cao tuổi tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh phối hợp với các trung tâm CTXH tổ chức các buổi

tập thể dục, hội thảo sức khỏe và hoạt động nghệ thuật, giúp nâng cao thể chất, duy trì tinh thần tích cực và tăng cường kết nối xã hội.

Đánh giá thực tiễn cho thấy, việc triển khai các mô hình CTXH dựa vào cộng đồng mang lại hiệu quả đa chiều. Về tâm lý - xã hội, các chương trình giúp giảm căng thẳng, lo âu và cô đơn; về năng lực cá nhân, người cao tuổi và người khuyết tật được khuyến khích tham gia các hoạt động ra quyết định, phát triển kỹ năng tự chăm sóc và tự quản lý; về gắn kết cộng đồng, các mô hình này tạo môi trường hỗ trợ lẫn nhau, thúc đẩy sự tương tác liên thế hệ và tăng cường sự tham gia tích cực của các nhóm dễ bị tổn thương trong đời sống xã hội.

Ngoài ra, việc kết hợp các nguyên tắc lý thuyết hệ sinh thái và lý thuyết quyền con người vào thực hành CTXH giúp xác định các mức độ tác động từ cá nhân đến cộng đồng và chính sách, đảm bảo rằng các dịch vụ được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tế, tôn trọng quyền lợi, phẩm giá và sự tham gia của người cao tuổi, người khuyết tật. Kết quả tổng thể cho thấy, các mô hình CTXH tại Việt Nam không chỉ nâng cao chất lượng sống và hỗ trợ tâm lý mà còn góp phần xây dựng môi trường xã hội hòa nhập, bền vững và phát triển lâu dài (WHO, 2017; Molisa, 2020).

3.2.4. Đánh giá tổng thể

CTXH tại Việt Nam cho thấy, CTXH đóng vai trò chiến lược trong việc nâng cao năng lực cá nhân, giảm thiểu rủi ro xã hội và thúc đẩy bình đẳng cũng như sự tham gia của cộng đồng, góp phần xây dựng nền tảng xã hội bền vững.

Nâng cao năng lực cá nhân: Các chương trình CTXH tại Việt Nam, như dự án giảm nghèo bền vững, các CLB trẻ em, câu

lạc bộ người cao tuổi và các mô hình hỗ trợ người khuyết tật, đã giúp các đối tượng tiếp cận các dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ năng sống, hướng dẫn quản lý tài chính, phát triển nghề nghiệp và nâng cao khả năng tự chủ. Qua đó, cá nhân được trang bị các kỹ năng ứng phó với rủi ro xã hội, tăng cường khả năng quyết định trong cuộc sống và tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng. Ví dụ, các nhóm phụ nữ nghèo ở nông thôn được tập huấn về quản lý tài chính hộ gia đình và kinh doanh nhỏ đã tăng khả năng tự chủ và giảm phụ thuộc vào trợ cấp xã hội.

Giảm thiểu rủi ro xã hội: CTXH tại Việt Nam góp phần phòng chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, nghèo đói, và các bất bình đẳng xã hội thông qua các chương trình can thiệp đa tầng. Mô hình can thiệp đồng bộ giữa cá nhân - gia đình - cộng đồng - hệ thống chính sách, kết hợp tư vấn tâm lý, hòa giải gia đình và giáo dục cộng đồng, đã mang lại kết quả tích cực trong việc giảm thiểu các rủi ro xã hội, cải thiện nhận thức cộng đồng và thúc đẩy sự bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Thúc đẩy bình đẳng và tham gia cộng đồng: CTXH khuyến khích sự tham gia chủ động của cộng đồng và nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình ra quyết định và triển khai các chương trình xã hội. Việc áp dụng các nguyên tắc của lý thuyết quyền con người đảm bảo rằng quyền lợi của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và các nhóm yếu thế được tôn trọng, đồng thời tạo điều kiện cho họ tham gia vào các hoạt động cộng đồng, nâng cao khả năng quyết định và tăng cường sự gắn kết xã hội.

Việc kết hợp chặt chẽ lý thuyết hệ sinh thái, thực hành dựa vào cộng đồng và lý thuyết quyền con người với các mô hình thực hành ở Việt Nam đã tạo ra hiệu quả bền

vững. Không chỉ giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách, các hoạt động CTXH còn xây dựng nền tảng xã hội dài hạn, nâng cao năng lực cộng đồng, giảm thiểu rủi ro hệ thống và hỗ trợ chính quyền thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Như vậy, CTXH thể hiện vai trò kép: vừa là công cụ can thiệp trực tiếp, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, hòa nhập và bền vững của xã hội Việt Nam.

4. Kết luận và đề xuất

CTXH đã và đang khẳng định vai trò chiến lược trong việc giải quyết các vấn đề xã hội tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, gia tăng dân số đô thị và xuất hiện nhiều nhóm dân cư dễ bị tổn thương. Thông qua việc áp dụng các lý thuyết nền tảng như lý thuyết hệ sinh thái, lý thuyết thực hành dựa vào cộng đồng, và lý thuyết quyền con người, CTXH không chỉ tập trung vào hỗ trợ cá nhân và gia đình mà còn củng cố năng lực cộng đồng, thúc đẩy bình đẳng xã hội, bảo vệ quyền lợi của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương khác.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các mô hình CTXH tại Việt Nam, bao gồm can thiệp đa tầng cho trẻ em, dự án giảm nghèo bền vững, câu lạc bộ người cao tuổi và nhóm hỗ trợ người khuyết tật, đều góp phần nâng cao năng lực tự chủ, giảm rủi ro xã hội và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Đồng thời, CTXH hỗ trợ các cơ quan chính quyền triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, từ đó góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia, như giảm nghèo, đảm bảo bình đẳng giới và bảo vệ các nhóm yếu thế.

Để nâng cao hiệu quả và mở rộng tác động của CTXH tại Việt Nam, cần tập trung vào ba hướng chính:

Phát triển nguồn nhân lực CTXH chuyên nghiệp: Đầu tư vào đào tạo chính quy, bồi dưỡng kỹ năng thực hành, quản lý dự án và nghiên cứu khoa học xã hội; Chuẩn hóa năng lực theo các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo đội ngũ cán bộ CTXH đủ khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn đa dạng, từ can thiệp cá nhân đến phát triển cộng đồng; Khuyến khích nghiên cứu và áp dụng các mô hình mới, dựa trên bằng chứng, để nâng cao chất lượng can thiệp và hiệu quả chương trình.

Đồng bộ hóa chính sách và chương trình can thiệp: Tăng cường phối hợp liên ngành giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ; Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá chương trình CTXH, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và khả năng mở rộng; Thiết lập hệ thống dữ liệu thống nhất về các nhóm dân cư dễ bị tổn thương để định hướng chính sách dựa trên bằng chứng.

Nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng: Tăng cường các chiến dịch truyền thông, giáo dục cộng đồng về vai trò và lợi ích của CTXH; Khuyến khích sự tham gia chủ động của các nhóm dân cư, không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là đồng chủ thể trong quá trình lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình; Thúc đẩy các mô hình hợp tác giữa cộng đồng và chính quyền, tạo ra hệ sinh thái xã hội bền vững, tự duy trì và thích ứng với các biến đổi xã hội.

Như vậy, CTXH không chỉ là công cụ can thiệp xã hội mà còn là cần thiết cho sự phát triển bền vững tại Việt Nam, khi kết hợp giữa lý thuyết nền tảng, thực tiễn can thiệp hiệu quả và chính sách hỗ trợ. Việc nâng cao chất lượng nguồn lực, đồng bộ hóa chính sách và tăng cường sự tham gia cộng đồng sẽ giúp CTXH phát huy tối đa vai trò trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng một xã hội công bằng, bền vững và hòa nhập.

Tài liệu tham khảo

1. Bronfenbrenner, U. (1979), *The ecology of human development: Experiments by nature and design*, Harvard University Press.
2. Ife, J. (2012), *Human rights and social work: Towards rights-based practice (3rd ed.)*, Cambridge University Press.
3. MOLISA & Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2020), *Báo cáo tổng quan về công tác xã hội tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội
4. Mullaly, B. (2010), *The new structural social work (3rd ed.)*, Oxford University Press.
5. Payne, M. (2014), *Modern social work theory (4th ed.)*, Oxford University Press.
6. World Bank (2018), *Community-driven development in Vietnam: Lessons and experiences*, Washington, DC.
7. WHO (2017), *Global action plan on the public health response to dementia 2017–2025*, Geneva.